

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/11/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK9+CTK3+PPD	7:25	4+15+3	0+0+0		4+11+7	0+0+0	
2		TD1+CNV+PVD8	7:25	13+6+0	0+0+0		5+7+10	0+0+0	
3		TD5+TD1+BK10	7:25	10+11+0	0+0+0		7+13+2	0+0+0	
4		C10+RC3+RP2	9:25	19+2+0	0+0+0		16+6+0	0+0+0	chuyen 1 rc3- rp2
5		GTc1+RC10+BK14	9:25	0+0+20	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 GTc1 RC10
6		TD3+P11+TTC1	9:25	19+1+1	0+0+0		19+1+2	0+0+0	
7		TD5+TD2+BK8	11:25	4+5+1	0+0+0		6+3+10	0+0+0	
8		RC5+CTK3	11:25	5+17	0+0		1+21	0+0	
9		P9+P10+C10	13:25	1+2+17	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 2 P9- P10

TTBDSX

1/ Đi về trong ngày TTC3/TD5-3ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK9 - CTK3 - PPD	CREW: QVIET - N.ANH - TÚ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4562	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VÔ THỂ HẬU	BK9	26	1	4	2	35	67	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRƯỜNG AN	BK9	25	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NAM	BK9	32	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	01	1	4	3	50	64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	14	1	7			46	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	03	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH NHỎ HOÀNG	CTK3	10	1	9			90	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VĂN DOANH	CTK3	09	1	10			65	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG NAM	CTK3	06	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CÔNG AN	CTK3						67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	05	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG TIẾN	CTK3	08	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯỜNG QUỐC BẢO	CTK3	02	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	13	1	2			80	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG PHÚC THĂNG	CTK3	12	1	7			88	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẦN VĂN CHUYỀN	CTK3	11	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH PHÚC	CTK3	04	1	8			50	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC GIAO	CTK3	07	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯỜNG NGỌC LINH	PPD	34	1	7			73	QUYẾT TH	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THÔNG	PPD	32	1	9			65	QUYẾT TH	Vietnamese
21	NGUYỄN TRUNG HIỆU	PPD	33	1	8			56	QUYẾT TH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	3	220	3	24	2	35	4		
2	CTK3	15	1.008	14	94	3	50	11		
3	PPD	3	194	3	24	0	0	7		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.422</b>	<b>20</b>	<b>142</b>	<b>5</b>	<b>85</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.422</b>		<b>142</b>		<b>85</b>			

GRAND TOAL: 1.649 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT   
 NGHIỆM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD1 - CNV - PVD8	CREW: DƯƠNG - XTRƯỜNG - Dũng	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4566	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TIÊN DŨNG	TD1	80	1	4	2	25	66	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN TUẤN TŨ	TD1	78	1	3			76	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC THAI	TD1	83	1	7			84	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG NGỌC SƠN	TD1	75	1	6			56	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THIÊN TUẤN	TD1	76	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
6	LẠI ĐỨC LAM	TD1	79	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN HUY	TD1	71	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN TRUNG THÀNH	TD1	72	1	11			62	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ MẠNH HÙNG	TD1	74	1	8			76	ANTOAN	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	77	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	73	1	8			87	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ QUY VINH	TD1	81-82	2	9			77	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VIỆT THÀNH	TD1	69-70	2	12			75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	57	1	6	2	17	66	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC TRI	CNV	56	1	9	3	60	63	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÌNH VĂN SƠN	CNV	58	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VŨ HOANG	CNV	59-60	2	7			80	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO ĐỨC THĂNG	CNV	63	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
19	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	55	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	13	931	15	91	2	25	5		
2	CNV	6	429	7	46	5	77	7		
3	PVD8	0	0	0	0	0	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.360</b>	<b>22</b>	<b>137</b>	<b>7</b>	<b>102</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.360</b>		<b>137</b>		<b>102</b>			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG

HÀ XUÂN TRƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TD5 - TD1 - BK10	CREW: TUYỀN - TTRUNG - THỤ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4569	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU MANH THANG	TD5	21	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
2	ASKAROV DENIS	TD5	95	1	8			79	KHOAN	Russian
3	NGUYEN TAN TAI	TD5	18	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
4	NGO VAN HUY	TD5	19	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HOA	TD5	20	1	8			82	KHOAN	Vietnamese
6	VUONG DUC ANH	TD5	17	1	8			67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MANH TUE	TD5						69	KH-THAC	Vietnamese
8	LE DANG MINH DUC	TD5	15	1	2			88	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO HUU HUY TU	TD5	16	1	2			74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUU LOC	TD5	22-23	2	13			77	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN TAI	TD1	88	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN THE DUNG	TD1	91	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
13	VU NGOC TU	TD1	97	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
14	VU VIET HUAN	TD1	94	1	13	1	8	70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN QUY	TD1	92	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
16	Dinh Van Tam	TD1	96	1	10			64	KH-THAC	Vietnamese
17	VU MINH TUNG	TD1	98-99	2	17	4	60	63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TRUNG	TD1	93	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN CONG CHIEN	TD1	37	1	16			77	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC NINH	TD1	90	1	16			74	DVL	Vietnamese
21	PHAM TUNG VY	TD1	89	1	15			66	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	10	757	10	55	0	0	7		
2	TD1	11	767	12	134	5	68	13		
3	BK10	0	0	0	0	2	30	2		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.524</b>	<b>22</b>	<b>189</b>	<b>7</b>	<b>98</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.524</b>		<b>189</b>		<b>98</b>			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HONG HA

CREW

NGUYEN DUY TUYEN

NGUYEN THANH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: CLO - RC3 - RP2	CREW: VIỆT - N.ANH - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4563	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VÕ SĨ HOAI THANH	CLO	67-68	2	11			62	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM MINH HOÀNG	CLO	80	1	11			94	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VIỆT HÙNG	CLO	69-70	2	13			66	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM ĐÌNH THỤ*	CLO	85-86	2	11			71	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	CLO	83	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ MINH HIỆP*	CLO	72	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG BẢNG*	CLO	81	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
8	TRƯƠNG ĐỨC THẮNG	CLO	75	1	10			61	KHOAN	Vietnamese
9	ARTIUSHIN S.I.	CLO	64	1	12			89	ANTOAN	Russian
10	HOÀNG VĂN QUYÊN	CLO	73	1	11			65	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN THÀNH	CLO	84	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ HUY TUYẾN	CLO	78	1	7			56	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	71	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
14	TÔ ANH TUẤN*	CLO	74	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG*	CLO	79	1	11			75	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ XUÂN THANH	CLO	87-88	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ MINH HIẾU	CLO	65-66	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG VĂN HAI	CLO	82	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
19	SMIRNOV*	CLO	76-77	2	13			99	KH-THAC	Russian
20	TRẦN QUỐC TOÀN*	RC3	67	1	20	1	15	92	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC QUANG	RC3	68-69	2	21	2	35	74	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	19	1.389	25	179	0	0	16		
2	RC3	2	166	3	41	3	50	6 + 1		CHUYEN 1 PAX RC3-RP2
3	RP2	0	0	0	0	0	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.555</b>	<b>28</b>	<b>220</b>	<b>3</b>	<b>50</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.555</b>		<b>220</b>		<b>50</b>			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT   
NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: GTC1 - RC10 - BK14	CREW: ĐƯƠNG - XTRƯỜNG - DTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4567	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN TRỌNG MINH	BK14	05	1	8	2	30	63	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG HOANG ANH	BK14	83	1	8			86	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ĐÌNH THỤ	BK14	36-37	2	13			72	YTE	Vietnamese
4	LÊ ANH TUẤN (17373)	BK14	79	1	7			89	KH-THAC	Vietnamese
5	DOÀN QUANG TUẤN	BK14	92	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG NGUYỄN	BK14	82	1	5			86	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ MINH ĐỨC	BK14	77-78	2	11			80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG MINH	BK14	86-87	2	16			92	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG DŨ KHANH	BK14	80-81	2	19			76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	38	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THỊN	BK14	31	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA LINH	BK14	84	1	12	1	11	62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	BK14	03-04	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ANH QUANG	BK14	91	1	13	4	58	80	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN THƯA THAI	BK14	85	1	9			66	CODIEN	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	BK14	76	1	14			73	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ LÊ HÙNG	BK14	01-02	2	19			52	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN THIỆN	BK14	35	1	10			57	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC THIỆN	BK14	33	1	11	1	17	71	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG VIỆT ANH	BK14	32	1	7			67	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	GTC1	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX GTC1-RC10	
2	RC10	0	0	0	0	0	0	0		
3	BK14	20	1.457	26	219	8	116	22		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.457</b>	<b>26</b>	<b>219</b>	<b>8</b>	<b>116</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.457</b>		<b>219</b>		<b>116</b>			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG   
HÀ XUÂN TRƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: TD3 - P11 - TTC1	CREW: TUYEN - TTRUNG - THU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4570	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN HAI	TD3	67	1	8	3	50	77	KHOAN	Vietnamese
2	OLEINK IVAN	TD3	63	1	4			73	KHOAN	Russian
3	TRAN HUU THO	TD3	66	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
4	CHU VAN THANG	TD3	68-69	2	14			70	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM HUNG DUONG	TD3	59	1	10			97	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN MANH HUNG*	TD3	62	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
7	DAO TIEN THIET	TD3	65	1	5			53	KHOAN	Vietnamese
8	VU QUANG HIEU	TD3	58	1	5			117	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN PHI HUNG	TD3	60	1	3			79	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM DUONG HAI	TD3	61	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TUAN	TD3	70-71	2	11			68	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH BA DONG	TD3	51	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
13	TA VAN CUONG	TD3	57	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
14	MORDIASHOV S.P.	TD3	50	1	4			84	KH-THAC	Russian
15	NGUYEN TUAN HAI*	TD3	64	1	4			59	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN PHUOC AN	TD3	56	1	6			62	HA VIET	Vietnamese
17	LUU VAN VUNG	TD3	55	1	8			75	HA VIET	Vietnamese
18	ĐANG VAN HAU	TD3	54	1	6			61	HA VIET	Vietnamese
19	VU VAN NAM	TD3	52-53	2	13			64	HA VIET	Vietnamese
20	STRAKHOV ANDREI	P11	66	1	9			96	KIM THIET	Russian
21	HOANG NGOC HOA	TTC1	28	1	7	2	20	65	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	19	1.396	22	123	3	50	19		
2	P11	1	96	1	9	0	0	1		
3	TTC1	1	65	1	7	2	20	2		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.557</b>	<b>24</b>	<b>139</b>	<b>5</b>	<b>70</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.557</b>		<b>139</b>		<b>70</b>			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI MY HANH

CREW

NGUYEN DUY TUYEN

NGUYEN THANH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
B.CARD: NAU-3	TO: TD5 - TD2 - BK8	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - THÀNH	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/4568	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN HUY DUNG	TD5	26	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN QUANG	TD5	27-28	2	16			80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN CAO KHANH	TD5	24	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN SY	TD5	25	1	4			53	PSV	Vietnamese
5	LE NGOC LUAN	TD2	62	1	13			65	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÀO DUY ĐIỆP	TD2	64	1	14	1	10	77	KHOAN	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN MƯỜI	TD2	63	1	15			61	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG MIMH THƯƠNG	TD2	68-69	2	16	5	80	64	CODIEN	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN TUAN	TD2	66-67	2	14	1	35	65	CODIEN	Vietnamese
10	LE VĂN TIẾP	BK8	71	1	6	3	38	80	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	4	278	5	27	0	0	6		
2	TD2	5	332	7	72	7	125	3		
3	BK8	1	80	1	6	3	38	11		
<b>TOTAL</b>		<b>10</b>	<b>690</b>	<b>13</b>	<b>105</b>	<b>10</b>	<b>163</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>690</b>		<b>105</b>		<b>163</b>			

GRAND TOAL: 958 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG  
NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO:RC5 - CTK3	CREW: XHOÀN - SON - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/4564	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ MINH SỸ	RC5	20-21	2	21	1	20	76	CODIEN	Vietnamese
2	VÔ TIÊN PHỤNG*	RC5	22	1	14	4	65	72	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC KHOA	RC5	31	1	4	2	23	90	CODIEN	Vietnamese
4	PHAN VĂN HIẾU	RC5	18-19	2	22			58	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN MINH HOÀNG	RC5	23-24	2	19			85	CODIEN	Vietnamese
6	LÊ THANH HÀ	CTK3	28	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3	36	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THÀNH LUẬN	CTK3	31	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG VIỆT HÙNG	CTK3	20	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NHÂN KHANH	CTK3	32	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HỮU THIÊN	CTK3	27	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN KHÁC THĂNG	CTK3	22	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM DUY PHÚC	CTK3	34	1	13			66	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG NGỌC SÁNG	CTK3	19	1	10	1	5	53	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI TRỌNG HỘI	CTK3	21	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC CHIÊN	CTK3	26	1	2			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	23	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ QUANG HẢI*	CTK3	24	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	CTK3	35	1	2			65	HVJOC	Vietnamese
20	ĐO VĂN KHÁNH	CTK3	33	1	4			76	PSV	Vietnamese
21	PHẠM TUẤN VIỆT	CTK3	25	1	10			90	DK9	Vietnamese
22	VŨ TIÊN NGỌC	CTK3	29-30	2	11			80	DK9	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	5	381	8	80	7	108	1		
2	CTK3	17	1.178	18	124	1	5	21		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.559</b>	<b>26</b>	<b>204</b>	<b>8</b>	<b>113</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.559</b>		<b>204</b>		<b>113</b>			

GRAND TOAL: 1.876 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN  
PHẠM THÁI SƠN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO: P9 - P10 - CLO	CREW: XHOÀN - SON - QTRƯỜNG	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/4565	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRAN NGOC TIN	P9	57	1	9			55	THIEN NAM	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HOÀNG	P10	51	1	7			59	HA VIỆT	Vietnamese
3	VŨ HỒNG LUYỆN	P10	99	1	9			67	HA VIỆT	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN ANH	CLO	43	1	11			67	DVL	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG QUY	CLO	51	1	8			70	DVL	Vietnamese
6	ĐỖ MINH HOÀNG*	CLO	44	1	15			73	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN THIỆU BÌNH*	CLO	36-37	2	20			59	DVL	Vietnamese
8	VŨ CHÍ THANH*	CLO	38-39	2	20			76	DVL	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐẠM	CLO	49-50	2	12	3	40	68	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	CLO	55	1	10	2	16	69	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN LAI	CLO	45	1	9	1	14	65	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	CLO	60-61	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HÙNG	CLO	52-53	2	21			62	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC HOÀN	CLO	58-59	2	11			58	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC TUẤN	CLO	56	1	8	1	14	85	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN TIẾN ANH	CLO	47-48	2	16			72	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC HUY	CLO	40	1	10	2	16	62	T-TIN	Vietnamese
18	BUI QUỐC DƯƠNG	CLO	63	1	9			52	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY ĐÔNG	CLO	62	1	4			67	PSV	Vietnamese
20	LÊ MINH MINH	CLO	54	1	7			69	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	1	55	1	9	0	0	1	2	CHUYEN 2 PAX P9-P10
2	P10	2	126	2	16	0	0	0		
3	CLO	17	1.135	24	211	9	100	21		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.316</b>	<b>27</b>	<b>236</b>	<b>9</b>	<b>100</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.316</b>		<b>236</b>		<b>100</b>			

GRAND TOAL: 1.652 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHẠM THÁI SƠN